PHẦN I. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 03/2011/TT-BKHCN	*Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 2011*

THÔNG TƯ
Hướng dẫn tuyển chọn và quản lý dự án thuộc Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2011 - 2015

Căn cứ Nghị định số 28/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 2204/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2011 - 2015;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn tuyển chọn và quản lý dự án thuộc Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2011 - 2015 như sau:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này hướng dẫn việc tuyển chọn và quản lý dự án thuộc Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2011 - 2015 được phê duyệt theo Quyết định số 2204/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ *(sau đây gọi là "Chương trình")*.

2. Thông tư này áp dụng đối với các đơn vị, cá nhân tham gia Chương trình.

Điều 2. Quyền đăng ký chủ trì, chủ nhiệm dự án và phối hợp thực hiện dự án

1. Mỗi đơn vị chỉ được đồng thời đăng ký chủ trì thực hiện tối đa 03 dự án thuộc Chương trình, trong đó không quá 02 dự án cùng loại.

2. Mỗi cá nhân không được đồng thời đăng ký làm chủ nhiệm quá 01 dự án thuộc Chương trình.

3. Mỗi đơn vị, cá nhân chỉ được đồng thời đăng ký phối hợp thực hiện tối đa 03 dự án thuộc Chương trình, trong đó không quá 02 dự án cùng loại.

4. Các đơn vị không được đăng ký chủ trì thực hiện dự án nếu chưa hoàn thành đúng hạn việc quyết toán các đề tài, dự án có sử dụng kinh phí nhà nước được Bộ Khoa học và Công nghệ giao thực hiện.

5. Số lượng dự án được giới hạn quyền đăng ký chủ trì, chủ nhiệm và phối hợp nêu tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này bao gồm cả dự án đang chủ trì, chủ nhiệm và phối hợp thực hiện.

Điều 3. Tiêu chí tuyển chọn dự án

Các dự án thuộc Chương trình được tuyển chọn phải đáp ứng các tiêu chí sau đây:

1. Tính thống nhất: nội dung và mục tiêu của dự án phù hợp với nội dung và mục tiêu của Chương trình;

2. Tính bao quát và điển hình: vấn đề hoặc nhiệm vụ mà dự án giải quyết mang tính phổ biến hoặc là nhu cầu chung của nhiều doanh nghiệp, của một địa phương hoặc khu vực;

3. Tính khả thi:

a) Căn cứ xây dựng dự án hợp lý;

b) Nội dung dự án phù hợp với năng lực của đơn vị đăng ký chủ trì thực hiện;

c) Kinh phí thực hiện dự án phù hợp với khả năng bảo đảm nguồn kinh phí của Chương trình và khả năng huy động kinh phí của đơn vị chủ trì thực hiện dự án;

d) Thời gian thực hiện dự án từ 01 đến 05 năm và phải kết thúc muộn nhất vào năm 2015, trừ trường hợp đặc biệt được cấp có thẩm quyền quyết định.

4. Tính hiệu quả:

a) Kết quả, sản phẩm của dự án có thể sử dụng chung, phục vụ lợi ích cho nhiều doanh nghiệp hoặc nhiều địa phương;

b) Dự án giải quyết một vấn đề hoặc một nhiệm vụ cụ thể, đáp ứng một hoặc một số nhu cầu thiết thực của doanh nghiệp, của địa phương, cộng đồng.

Điều 4. Điều kiện đối với đơn vị chủ trì thực hiện dự án và chủ nhiệm dự án

1. Điều kiện đối với đơn vị chủ trì thực hiện dự án:

a) Đăng ký chủ trì thực hiện dự án theo quy định;

b) Có tư cách pháp nhân, có chức năng hoạt động phù hợp với lĩnh vực của dự án;

c) Có đủ năng lực *(cơ sở vật chất, tài chính, nhân lực)*, khả năng phối hợp, liên kết với các tổ chức, cá nhân khác để thực hiện thành công dự án;

d) Có khả năng huy động tài chính cho thực hiện dự án;

đ) Có cá nhân làm chủ nhiệm dự án đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Điều kiện đối với chủ nhiệm dự án:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và chuyên môn phù hợp với lĩnh vực của dự án;

b) Có kinh nghiệm, khả năng tổ chức, quản lý thực hiện dự án;

c) Có đủ thời gian để thực hiện nhiệm vụ của chủ nhiệm dự án.

Chương II
TUYỂN CHỌN ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Điều 5. Đề xuất dự án

1. Trên cơ sở mục tiêu, nội dung tổng quát và kế hoạch tổ chức thực hiện Chương trình, Bộ Khoa học và Công nghệ thông báo cho các cơ quan phối hợp tổ chức thực hiện Chương trình *(quy định tại điểm b khoản 3 Điều 2 Quyết định số 2204/QĐ-TTg ngày 06/12/2010)* và thông báo rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng để các cơ quan có liên quan biết, tổng hợp nhu cầu hỗ trợ của các doanh nghiệp, các địa phương thuộc phạm vi quản lý của mình, từ đó đề xuất các dự án thuộc Chương trình.

2. Các cơ quan phối hợp tổ chức thực hiện Chương trình và các tổ chức khác có nhu cầu đề xuất dự án trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày có thông báo của Bộ Khoa học và Công nghệ nêu tại khoản 1 Điều này.

Điều 6. Xây dựng và phê duyệt danh mục các dự án

1. Căn cứ vào các đề xuất nhận được và trên cơ sở tự đề xuất, Cục Sở hữu trí tuệ lập danh mục các dự án theo Mẫu B1 kèm theo Thông tư này và trình Ban Chỉ đạo Chương trình xem xét.

2. Ban Chỉ đạo Chương trình có trách nhiệm xem xét, đánh giá và trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt danh mục các dự án thuộc Chương trình hàng năm.

3. Nội dung chính của danh mục các dự án bao gồm: tên và ký mã hiệu của mỗi dự án; loại dự án *(Trung ương quản lý hoặc Trung ương ủy quyền cho địa phương quản lý)*; tóm tắt mục tiêu, yêu cầu và nội dung của dự án; dự kiến sản phẩm *(kết quả)* của dự án và thời gian thực hiện dự án.

Điều 7. Công bố danh mục các dự án

Danh mục các dự án sau khi được phê duyệt sẽ được công bố rộng rãi trên các báo Diễn đàn Doanh nghiệp, Khoa học và Phát triển và các trang tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ *(www.most.gov.vn)*, Cục Sở hữu trí tuệ *(www.noip.gov.vn)* và Chương trình *(www.hotrotuvan.com.vn)*.

Điều 8. Bổ sung danh mục các dự án

Các địa phương, cơ quan phối hợp tổ chức thực hiện Chương trình hoặc các đơn vị, cá nhân có nhu cầu có thể đề nghị bổ sung danh mục các dự án. Việc bổ sung danh mục các dự án phải được đề nghị bằng văn bản và được Cục Sở hữu trí tuệ xem xét, trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt theo trình tự quy định tại Điều 6 Thông tư này.

Điều 9. Thông báo tuyển chọn đơn vị chủ trì thực hiện dự án

1. Cục Sở hữu trí tuệ có trách nhiệm đăng thông báo tuyển chọn đơn vị chủ trì thực hiện các dự án do Trung ương quản lý.

2. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm đăng thông báo tuyển chọn đơn vị chủ trì thực hiện dự án do Trung ương ủy quyền cho địa phương quản lý thuộc phạm vi quản lý của địa phương mình.

3. Thông báo tuyển chọn đơn vị chủ trì thực hiện dự án được công bố rộng rãi trên các trang tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ *(www.most.gov.vn)*, Cục Sở hữu trí tuệ *(www.noip.gov.vn),* Chương trình *(www.hotrotuvan.com.vn), các* báo Diễn đàn Doanh nghiệp, Khoa học và Phát triển và đài, báo địa phương *(đối với các dự án do Trung ương ủy quyền cho địa phương quản lý)*.

Điều 10. Hồ sơ đăng ký chủ trì thực hiện dự án

1. Hồ sơ đăng ký chủ trì thực hiện dự án *(sau đây gọi là "Hồ sơ")* bao gồm các tài liệu sau đây:

a) Phiếu đăng ký chủ trì thực hiện dự án theo Mẫu B2 kèm theo Thông tư này;

b) Thuyết minh dự án theo Mẫu B3 kèm theo Thông tư này;

c) Lý lịch khoa học của chủ nhiệm dự án;

d) Thuyết minh về khả năng chủ trì thực hiện dự án của đơn vị đăng ký chủ trì thực hiện dự án;

đ) Giấy xác nhận phối hợp thực hiện dự án;

e) Tài liệu chứng minh đã hoàn thành đúng hạn việc thanh quyết toán các đề tài, dự án có sử dụng ngân sách nhà nước đã được Bộ Khoa học và Công nghệ giao thực hiện *(nếu có)*;

g) Tài liệu chứng minh khả năng huy động vốn từ nguồn khác *(trường hợp kinh phí thực hiện dự án cần huy động từ nguồn khác ngoài nguồn kinh phí của Chương trình)*.

2. Hồ sơ gồm 1 bản gốc và 12 bản sao.

3. Hồ sơ phải được niêm phong và ghi rõ bên ngoài các thông tin liên quan đến đơn vị đăng ký chủ trì và dự án đăng ký chủ trì.

4. Trước ngày hết hạn nộp Hồ sơ, đơn vị đăng ký chủ trì thực hiện dự án có quyền rút Hồ sơ, thay Hồ sơ mới, bổ sung hoặc sửa đổi Hồ sơ đã nộp. Mọi sửa đổi, bổ sung Hồ sơ phải được nộp trong thời hạn và là bộ phận cấu thành của Hồ sơ.

Điều 11. Nơi nộp Hồ sơ

1. Đối với dự án do Trung ương quản lý, Hồ sơ được nộp cho:

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

(Văn phòng Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ)

386 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội.

2. Đối với dự án do Trung ương ủy quyền cho địa phương quản lý, Hồ sơ được nộp cho Sở Khoa học và Công nghệ địa phương.

3. Hồ sơ phải được nộp đúng hạn theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc Sở Khoa học và Công nghệ địa phương. Ngày nhận Hồ sơ được tính là ngày ghi dấu đến của Bưu điện *(trường hợp gửi qua Bưu điện)* hoặc dấu "đến" của Văn thư cơ quan tiếp nhận Hồ sơ *(trường hợp nộp trực tiếp)*.

Điều 12. Tiếp nhận Hồ sơ

Văn phòng Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ *(sau đây gọi là "Văn phòng Chương trình")* và Sở Khoa học và Công nghệ địa phương tiếp nhận Hồ sơ và đánh số biên nhận theo ký mã hiệu dự án và thứ tự Hồ sơ nhận được theo Mẫu B4 kèm theo Thông tư này và gửi cho đơn vị nộp Hồ sơ.

Điều 13. Mở Hồ sơ

1. Cục Sở hữu trí tuệ và Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức mở Hồ sơ công khai. Đại diện các đơn vị nộp Hồ sơ đăng ký chủ trì thực hiện dự án và các đơn vị, cá nhân có liên quan khác được mời tham dự.

Kết quả mở Hồ sơ phải được ghi thành biên bản theo Mẫu B5 kèm Thông tư này.

Tài liệu có trong Hồ sơ được đóng dấu xác nhận của Cục Sở hữu trí tuệ hoặc Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Hồ sơ được coi là hợp lệ nếu:

a) Đơn vị đăng ký chủ trì thực hiện dự án và chủ nhiệm dự án đáp ứng yêu cầu quy định tại Điều 2 Thông tư này;

b) Dự án nêu trong Hồ sơ là dự án thuộc Danh mục các dự án được phê duyệt và công bố theo quy định tại Điều 6 và Điều 7 Thông tư này;

c) Đáp ứng đủ yêu cầu về Hồ sơ theo quy định tại Điều 10 và được nộp theo quy định tại Điều 11 Thông tư này.

Điều 14. Hội đồng chuyên môn

1. Việc đánh giá các Hồ sơ để tuyển chọn đơn vị chủ trì thực hiện dự án do Hội đồng chuyên môn tiến hành:

a) Đối với dự án Trung ương quản lý: Hội đồng chuyên môn do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ thành lập, có từ 09 đến 11 thành viên, trong đó có 2 ủy viên phản biện với cơ cấu như sau:

- Tối đa 1/3 là đại diện của Bộ Khoa học và Công nghệ;

- Ít nhất 2/3 là đại diện các đơn vị thuộc các bộ, cơ quan phối hợp tổ chức thực hiện Chương trình có chuyên môn liên quan đến các lĩnh vực của dự án; các nhà khoa học, chuyên gia trong lĩnh vực của dự án và đại diện các đơn vị, cá nhân có khả năng hưởng lợi từ dự án.

b) Đối với dự án do Trung ương ủy quyền cho địa phương quản lý: Hội đồng chuyên môn do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập hoặc ủy quyền cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thành lập, có từ 07 đến 09 thành viên, trong đó có 02 ủy viên phản biện, với cơ cấu tối đa 1/3 là đại diện của Sở Khoa học và Công nghệ và ít nhất 2/3 là đại diện của các đơn vị, chuyên gia có liên quan.

2. Đại diện đơn vị đăng ký chủ trì và cá nhân đăng ký chủ nhiệm dự án; đơn vị, cá nhân đăng ký phối hợp thực hiện dự án không được tham gia Hội đồng chuyên môn để xem xét, đánh giá Hồ sơ do mình nộp.

Điều 15. Đánh giá Hồ sơ

1. Việc đánh giá các Hồ sơ được tiến hành bằng cách cho điểm theo từng tiêu chí quy định tại Điều 3 và Điều 4 Thông tư này. Số điểm tối đa cho một Hồ sơ là 100, phân chia theo các tiêu chí như sau:

a) Tiêu chí về tính thống nhất, bao quát và điển hình của dự án: tối đa 15 điểm;

b) Tiêu chí về tính khả thi của dự án: tối đa 50 điểm;

c) Tiêu chí về tính hiệu quả của dự án: tối đa 35 điểm.

2. Nội dung các tiêu chí và mức điểm đánh giá tương ứng được quy định trong Mẫu B6 kèm theo Thông tư này.

Điều 16. Họp Hội đồng chuyên môn

1. Hội đồng chuyên môn được tổ chức họp khi có ít nhất 2/3 thành viên có mặt, trong đó có Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch và ít nhất một ủy viên phản biện. Trường hợp ủy viên phản biện còn lại vắng mặt phải gửi ý kiến phản biện bằng văn bản cho Hội đồng.

2. Hội đồng nghe ý kiến nhận xét, đánh giá của ủy viên phản biện, ý kiến góp ý của các thành viên khác, kiến nghị những sửa đổi, bổ sung cần thiết về những nội dung hoặc các điểm cần lưu ý để hoàn thiện và tiến hành cho điểm vào Phiếu đánh giá đối với từng Hồ sơ.

3. Các thành viên Hội đồng có trách nhiệm nghiên cứu, phân tích, nhận xét, đánh giá từng Hồ sơ và cho điểm theo các tiêu chí và biểu mẫu quy định tại Điều 15 Thông tư này.

4. Thư ký Hội đồng có trách nhiệm kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu đánh giá theo Mẫu B7 kèm theo Thông tư này đối với từng Hồ sơ, lập và gửi Báo cáo kết quả đánh giá các Hồ sơ cho Cục Sở hữu trí tuệ hoặc Sở Khoa học và Công nghệ địa phương.

Điều 17. Hoàn thiện Hồ sơ đăng ký

Cục Sở hữu trí tuệ hoặc Sở Khoa học và Công nghệ địa phương yêu cầu các đơn vị đăng ký chủ trì thực hiện dự án sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện Hồ sơ đăng ký để đáp ứng điều kiện quy định tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều 18 Thông tư này theo kiến nghị của Hội đồng chuyên môn.

Điều 18. Điều kiện tuyển chọn đơn vị chủ trì thực hiện dự án

1. Đơn vị được chọn chủ trì thực hiện dự án nếu đáp ứng các điều kiện sau:

a) Hồ sơ được đánh giá với trung bình tổng số điểm phải đạt tối thiểu 70 điểm, trong đó trung bình số điểm về tính khả thi phải đạt tối thiểu 40 điểm và trung bình số điểm về tính hiệu quả phải đạt tối thiểu 25 điểm.

b) Hồ sơ được đánh giá với trung bình tổng số điểm cao nhất trong số những Hồ sơ đăng ký chủ trì thực hiện dự án đó.

c) Trường hợp đối với một dự án có nhiều Hồ sơ được đánh giá với cùng trung bình tổng số điểm thì chọn Hồ sơ theo thứ tự ưu tiên đối với Hồ sơ được đánh giá với trung bình số điểm về tính khả thi và *(sau đó)* về tính hiệu quả của dự án cao hơn;

d) Hồ sơ được sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện theo yêu cầu của Cục Sở hữu trí tuệ hoặc Sở Khoa học và Công nghệ địa phương quy định tại Điều 17 Thông tư này.

2. Trường hợp chỉ có một Hồ sơ đăng ký chủ trì thực hiện được nộp đối với một dự án thì việc đánh giá, tuyển chọn đơn vị chủ trì thực hiện dự án vẫn được tiến hành theo các tiêu chí và trình tự quy định tại Điều 15 và Điều 16 Thông tư này.

Điều 19. Tuyển chọn bổ sung và xét chọn đơn vị chủ trì thực hiện dự án

1. Cục Sở hữu trí tuệ và Sở Khoa học và Công nghệ địa phương có trách nhiệm tiếp tục tổ chức tuyển chọn bổ sung đối với các dự án chưa tuyển chọn được đơn vị chủ trì thực hiện lần đầu. Thủ tục tuyển chọn bổ sung được tổ chức theo quy định về tuyển chọn tại Thông tư này.

2. Đối với một số dự án điểm do Trung ương quản lý, dự án thực hiện các nhiệm vụ cấp bách thuộc Chương trình, dự án có đặc thù đòi hỏi chuyên môn sâu về sở hữu trí tuệ hoặc các lĩnh vực chuyên ngành khác mà không thể tuyển chọn được đơn vị chủ trì theo phương thức quy định tại Điều 16 và khoản 1 Điều này, Cục Sở hữu trí tuệ có thể xem xét, trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xét chọn các đơn vị có chuyên môn sâu đáp ứng điều kiện chủ trì thực hiện dự án theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư này để giao trực tiếp làm đơn vị chủ trì.

Điều 20. Thẩm định dự toán kinh phí

1. Việc thẩm định dự toán kinh phí thực hiện dự án do Hội đồng thẩm định dự toán kinh phí tiến hành.

a) Hội đồng thẩm định dự toán kinh phí đối với các dự án Trung ương quản lý và dự toán kinh phí phần hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước ở Trung ương đối với các dự án Trung ương ủy quyền cho địa phương quản lý do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ thành lập, có từ 07 đến 09 thành viên với thành phần là đại diện Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ *(Vụ Kế hoạch - Tài chính, Cục Sở hữu trí tuệ)* và/hoặc các chuyên gia tài chính khác;

b) Hội đồng thẩm định dự toán kinh phí không thuộc phần hỗ trợ từ nguồn Ngân sách nhà nước ở Trung ương đối với các dự án Trung ương ủy quyền cho địa phương quản lý do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập hoặc ủy quyền cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thành lập.

2. Hội đồng thẩm định dự toán kinh phí tổ chức họp khi có ít nhất 2/3 thành viên có mặt, trong đó có Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng.

Điều 21. Phối hợp thẩm định dự toán kinh phí dự án do Trung ương ủy quyền cho địa phương quản lý

Các Hội đồng quy định tại khoản 1 Điều 20 có trách nhiệm phối hợp thẩm định dự toán kinh phí dự án nhằm bảo đảm tỷ lệ hỗ trợ từ Ngân sách nhà nước ở Trung ương và địa phương theo quy định tại Thông tư liên tịch hướng dẫn quản lý tài chính đối với Chương trình do Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành.

Điều 22. Phê duyệt kết quả tuyển chọn, xét chọn

1. Cục Sở hữu trí tuệ lập báo cáo kết quả tuyển chọn, xét chọn đơn vị chủ trì thực hiện dự án Trung ương trực tiếp quản lý và báo cáo kết quả thẩm định dự toán kinh phí hỗ trợ từ nguồn ngân sách khoa học công nghệ ở Trung ương đối với các dự án Trung ương ủy quyền cho địa phương quản lý trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt.

2. Sở Khoa học và Công nghệ địa phương lập báo cáo kết quả tuyển chọn, xét chọn đơn vị chủ trì thực hiện dự án Trung ương ủy quyền cho địa phương quản lý trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt.

Điều 23. Công bố kết quả tuyển chọn, xét chọn

1. Kết quả tuyển chọn, xét chọn đơn vị chủ trì thực hiện dự án sau khi được Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt sẽ được thông báo cho các đơn vị, cá nhân liên quan và được công bố trên Báo Khoa học và Phát triển, Báo Diễn đàn Doanh nghiệp, các trang tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ, Cục Sở hữu trí tuệ, Chương trình *(đối với dự án Trung ương quản lý)*, và các đài, báo địa phương *(đối với dự án do Trung ương ủy quyền cho địa phương quản lý)*.

2. Nội dung công bố bao gồm: Tên dự án; tóm tắt mục tiêu; dự kiến sản phẩm *(kết quả)* của dự án; thông tin về đơn vị chủ trì thực hiện, cá nhân chủ nhiệm dự án; kinh phí và thời hạn thực hiện dự án.

Chương III
QUẢN LÝ DỰ ÁN

Điều 24. Hợp đồng ủy quyền quản lý dự án

1. Trên cơ sở Quyết định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt kinh phí hỗ trợ từ ngân sách khoa học và công nghệ ở Trung ương đối với dự án do Trung ương ủy quyền cho địa phương quản lý, Cục Sở hữu trí tuệ ký Hợp đồng ủy quyền quản lý dự án với Sở Khoa học và Công nghệ địa phương.

2. Hợp đồng ủy quyền quản lý dự án là căn cứ pháp lý để ràng buộc quyền và nghĩa vụ giữa Cục Sở hữu trí tuệ với Sở Khoa học và Công nghệ địa phương về việc quản lý các dự án do Trung ương ủy quyền cho địa phương quản lý.

Điều 25. Hợp đồng giao chủ trì thực hiện dự án

1. Trên cơ sở kết quả tuyển chọn, xét chọn đơn vị chủ trì thực hiện dự án đã được Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố phê duyệt, Cục Sở hữu trí tuệ hoặc Sở Khoa học và Công nghệ địa phương ký Hợp đồng giao chủ trì thực hiện dự án với đơn vị đã được tuyển chọn, xét chọn chủ trì thực hiện dự án, trong đó Cục Sở hữu trí tuệ hoặc Sở Khoa học và Công nghệ địa phương là Bên giao việc, đơn vị được tuyển chọn, xét chọn chủ trì thực hiện dự án là Bên nhận việc.

2. Hợp đồng giao chủ trì thực hiện dự án là căn cứ pháp lý để ràng buộc quyền và nghĩa vụ giữa Cục Sở hữu trí tuệ hoặc Sở Khoa học và Công nghệ địa phương với đơn vị chủ trì thực hiện dự án.

Điều 26. Trách nhiệm thực hiện dự án

1. Đơn vị được giao chủ trì thực hiện dự án chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện dự án và sử dụng hiệu quả kinh phí được cấp theo Hợp đồng giao chủ trì thực hiện dự án đã ký kết.

2. Đơn vị được giao chủ trì thực hiện dự án có quyền ký các hợp đồng giao việc, thuê khoán với các đơn vị, cá nhân khác để thực hiện các hạng mục công việc thuộc nội dung dự án đã được giao chủ trì phù hợp với dự án được phê duyệt.

Điều 27. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện dự án

1. Cục Sở hữu trí tuệ, Sở Khoa học và Công nghệ địa phương có trách nhiệm tổ chức kiểm tra, đánh giá định kỳ hoặc đột xuất tình hình thực hiện và sử dụng kinh phí của các dự án thuộc thẩm quyền quản lý.

2. Đơn vị chủ trì thực hiện dự án có trách nhiệm chuẩn bị và cung cấp đầy đủ các thông tin liên quan đến dự án đang được thực hiện theo các mẫu B8 và B9 kèm theo Thông tư này và tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, đánh giá.

Điều 28. Bổ sung, điều chỉnh dự án

Trong quá trình thực hiện dự án, đơn vị chủ trì thực hiện dự án có thể đề nghị bổ sung hoặc điều chỉnh kinh phí, nội dung, địa điểm thực hiện dự án hoặc thay đổi chủ nhiệm dự án nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện dự án.

1. Điều chỉnh kinh phí thực hiện dự án

a) Trường hợp điều chỉnh kinh phí dự án làm tăng Ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án, Cục Sở hữu trí tuệ hoặc Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm

phối hợp với Vụ Kế hoạch - Tài chính hoặc Sở Tài chính địa phương xem xét, trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt.

b) Trường hợp điều chỉnh kinh phí dự án không làm tăng Ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án:

- Cục Sở hữu trí tuệ có trách nhiệm tổng hợp, đề nghị Vụ Kế hoạch - Tài chính xem xét, phê duyệt việc điều chỉnh kinh phí đối với dự án Trung ương trực tiếp quản lý;

- Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm xem xét, phê duyệt việc điều chỉnh kinh phí đối với dự án do Trung ương ủy quyền cho địa phương quản lý.

2. Các điều chỉnh, bổ sung khác

a) Trường hợp bổ sung, điều chỉnh dự án làm thay đổi kết quả, sản phẩm của dự án thì Cục Sở hữu trí tuệ hoặc Sở Khoa học và Công nghệ địa phương có trách nhiệm xem xét, trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt.

b) Trường hợp bổ sung, điều chỉnh dự án không làm thay đổi kết quả, sản phẩm của dự án thì Cục Sở hữu trí tuệ hoặc Sở Khoa học và Công nghệ địa phương chủ động xem xét, phê duyệt.

3. Việc đề nghị bổ sung, điều chỉnh dự án nêu tại các khoản 1 và 2 Điều này phải được thể hiện bằng văn bản và được cơ quan có thẩm quyền xem xét phù hợp với trình tự tuyển chọn, xét chọn Hồ sơ đăng ký chủ trì thực hiện dự án.

Điều 29. Gia hạn dự án

1. Đơn vị chủ trì thực hiện dự án có thể đề nghị Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xem xét, gia hạn thời gian thực hiện dự án. Cục Sở hữu trí tuệ hoặc Sở Khoa học và Công nghệ địa phương có trách nhiệm xem xét, thẩm định lý do xin gia hạn và trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xem xét, phê duyệt.

2. Dự án chỉ được xem xét gia hạn thời gian thực hiện không quá 02 lần và thời gian gia hạn mỗi lần không quá 06 tháng.

Điều 30. Chế độ báo cáo việc thực hiện dự án

1. Đơn vị được giao chủ trì thực hiện dự án có trách nhiệm định kỳ *(6 tháng và hàng năm)* hoặc đột xuất *(theo yêu cầu của Cục Sở hữu trí tuệ, Sở Khoa học và*

Công nghệ địa phương) báo cáo tình hình thực hiện dự án theo các mẫu B8 và B9 kèm theo Thông tư này.

2. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm định kỳ *(6 tháng và hàng năm)* báo cáo tình hình thực hiện các dự án được ủy quyền quản lý cho Bộ Khoa học và Công nghệ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

3. Cục Sở hữu trí tuệ có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện các dự án, định kỳ *(6 tháng và hàng năm)* cho Ban Chỉ đạo và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 31. Nghiệm thu dự án

1. Nghiệm thu cơ sở

Đơn vị chủ trì thực hiện dự án có trách nhiệm tổ chức nghiệm thu cơ sở kết quả thực hiện dự án và báo cáo kết quả nghiệm thu cho Cục Sở hữu trí tuệ hoặc Sở Khoa học và Công nghệ địa phương.

2. Nghiệm thu chính thức

Cục Sở hữu trí tuệ hoặc Sở Khoa học và Công nghệ địa phương có trách nhiệm tổ chức nghiệm thu chính thức kết quả thực hiện dự án thuộc thẩm quyền quản lý và báo cáo kết quả nghiệm thu cho Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

3. Trình tự, thủ tục tổ chức nghiệm thu kết quả thực hiện dự án được thực hiện theo quy định hiện hành về đánh giá nghiệm thu đề tài, dự án khoa học và công nghệ do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành.

Điều 32. Khai thác kết quả của dự án

Cục Sở hữu trí tuệ, Sở Khoa học và Công nghệ địa phương có trách nhiệm xây dựng và trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt phương án khai thác, sử dụng kết quả của dự án thuộc thẩm quyền quản lý của mình trên cơ sở phương án tự đề xuất hoặc phương án do đơn vị chủ trì thực hiện dự án đệ trình.

Chương IV
XỬ LÝ VI PHẠM VÀ KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

Điều 33. Xử lý vi phạm

1. Cán bộ, nhân viên thuộc cơ quan nhà nước có thẩm quyền vi phạm các quy định về tuyển chọn và quản lý dự án sẽ bị xử lý theo các quy định của Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức và các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Thành viên Hội đồng chuyên môn và Hội đồng thẩm định dự toán kinh phí quy định trong Thông tư này có hành vi đánh giá thiếu khách quan, thiếu công bằng, thiếu trung thực, vi phạm nguyên tắc giữ bí mật thông tin thì không được tiếp tục tham gia các Hội đồng và bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Đơn vị, cá nhân đăng ký tham gia chủ trì, phối hợp thực hiện dự án kê khai thông tin không trung thực trong Hồ sơ làm sai lệch kết quả đánh giá thì kết quả tuyển chọn bị hủy bỏ và bị xử lý theo quy định pháp luật hiện hành.

4. Đơn vị chủ trì thực hiện dự án vi phạm Hợp đồng giao chủ trì thực hiện dự án tuỳ theo mức độ sẽ bị xử lý theo những hình thức sau đây:

a) Khiển trách;

b) Cảnh cáo;

c) Đình chỉ thực hiện dự án;

d) Không được tham gia đăng ký chủ trì thực hiện dự án thuộc Chương trình;

đ) Thu hồi kinh phí đã được cấp.

Điều 34. Khiếu nại, tố cáo

1. Tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại, khởi kiện đối với các quyết định hành chính và hành vi hành chính của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền liên quan đến việc tuyển chọn, xét chọn đơn vị chủ trì thực hiện dự án.

2. Công dân có quyền tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về tuyển chọn, xét chọn đơn vị chủ trì thực hiện dự án.

3. Việc khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 35. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày, kể từ ngày ký ban hành.

Điều 36. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh hoặc khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp phản ánh kịp thời bằng văn bản về Bộ Khoa học và Công nghệ để xem xét, quyết định./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Quân

Mẫu B1-DMDA

Phụ lục I
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2011/TT-BKHCN ngày 20 tháng 4 năm 2011 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN
THUỘC CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN TÀI SẢN TRÍ TUỆ
(Dự kiến thực hiện trong kế hoạch năm.....)

TT	Tên dự án	Loại dự án	Ký mã hiệu	Mục tiêu/ yêu cầu của dự án	Tóm tắt nội dung dự án	Kết quả/ sản phẩm dự kiến	Thời gian	
							Bắt đầu	Kết thúc
1								
2								
3								
4								
5								
6								
7								
8								

Mẫu B2-PĐK

Phụ lục II
PHIẾU ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ THỰC HIỆN DỰ ÁN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2011/TT-BKHCN ngày 20 tháng 4 năm 2011 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng....năm 201...

PHIẾU ĐĂNG KÝ
CHỦ TRÌ THỰC HIỆN DỰ ÁN
thuộc Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ

Kính gửi: **Cục Sở hữu trí tuệ (*)**
(Văn phòng Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ)
386 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội

Đơn vị dưới đây đăng ký chủ trì thực hiện dự án:

1. Tên dự án.....

.....

Ký mã hiệu:.....

2. Đơn vị đăng ký chủ trì thực hiện dự án

Tên:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:..... Email:.....

Số tài khoản:.....

Đại diện pháp lý *(của đơn vị đăng ký chủ trì):*.....

(*) Đối với dự án do Trung ương ủy quyền cho địa phương quản lý, Phiếu đăng ký được gửi đến Sở Khoa học và Công nghệ địa phương.

3. Cá nhân đăng ký chủ nhiệm dự án

Họ và tên:..... Chức vụ:.....

Học hàm:..... Học vị:.....

Địa chỉ:..... Điện thoại:.....

4. Tài liệu kèm theo

(i) Thuyết minh dự án (..... bản);

(ii) Lý lịch khoa học của chủ nhiệm dự án (..... bản);

(iii) Thuyết minh về khả năng chủ trì thực hiện dự án của đơn vị đăng ký chủ trì thực hiện dự án (..... bản);

(iv) Tài liệu xác nhận về sự đồng ý của các đơn vị, cá nhân phối hợp thực hiện dự án (..... bản);

(v) Tài liệu chứng minh khả năng huy động kinh phí từ nguồn khác để thực hiện dự án (..... bản).

Chúng tôi cam đoan những nội dung và thông tin kê khai trong Hồ sơ là đúng sự thật và cam kết thực hiện đầy đủ trách nhiệm của đơn vị chủ trì thực hiện dự án khi được tuyển chọn.

Cá nhân đăng ký chủ nhiệm dự án	**Đơn vị đăng ký chủ trì thực hiện dự án**
(Họ, tên và chữ ký)	(Ký và đóng dấu)

Mẫu B3-TMDA

Phụ lục III
THUYẾT MINH DỰ ÁN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2011/TT-BKHCN ngày 20 tháng 4 năm 2011 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

THUYẾT MINH DỰ ÁN
thuộc Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1. Tên dự án: .....

.....

.....

Ký mã hiệu: .....

2. Thời gian thực hiện:..... tháng *(từ tháng..... năm 201..... đến tháng..... năm 201.....)*

3. Cấp quản lý:.....

4. Đơn vị đăng ký chủ trì thực hiện dự án:

Tên đầy đủ:.....

Địa chỉ: .....

Điện thoại:..... Email:.....

Số tài khoản:.....

Đại diện pháp lý:..... Chức vụ:.....

5. Cá nhân đăng ký chủ nhiệm dự án:

Họ và tên: .....

Đơn vị công tác: .....

Chức vụ: .....

Học hàm:..... Học vị.....

Điện thoại:..... Email:.....

6. Dự kiến kinh phí thực hiện:

Tổng kinh phí thực hiện dự án: ..... triệu đồng

Trong đó:

- Từ ngân sách Trung ương: ..... triệu đồng
- Từ ngân sách địa phương: ..... triệu đồng
- Kinh phí đối ứng: ..... triệu đồng

II. PHẦN THUYẾT MINH CHI TIẾT

1. Căn cứ xây dựng dự án

(*Căn cứ pháp lý*: Chủ trương, chính sách, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương, Quyết định phê duyệt Danh mục các dự án;

Căn cứ thực tiễn: Nhu cầu của doanh nghiệp, ngành, địa phương; vấn đề và nhiệm vụ đặt ra cần giải quyết và tính cấp thiết cần xây dựng và triển khai dự án).

.....

.....

.....

2. Mục tiêu của dự án (Mục tiêu chung, cụ thể và mục tiêu nhân rộng từ mô hình dự án):

.....

.....

.....

3. Nội dung của dự án (Các nội dung và các hạng mục công việc cụ thể phải thực hiện để đạt được mục tiêu của dự án):

.....

.....

.....

4. Phương án triển khai dự án

a) Phương án tổ chức thực hiện: .....

.....

.....

b) Phương án về chuyên môn: .....

.....

.....

c) Phương án về tài chính: .....

.....

.....

5. Tiến độ thực hiện dự án

STT	Công việc thực hiện các nội dung dự án	Mục tiêu/kết quả/ sản phẩm phải đạt	Thời gian (bắt đầu và kết thúc)

6. Đơn vị, cá nhân phối hợp thực hiện dự án

STT	Tên đơn vị, cá nhân; Cá nhân (Cơ quan công tác)	Nội dung công việc thực hiện	Kết quả/ sản phẩm phải đạt	Thời gian (bắt đầu và kết thúc)

7. Sản phẩm, kết quả của dự án

STT	Kết quả, sản phẩm và các tiêu chí đánh giá chủ yếu	Đơn vị đo	Mức phải đạt	Ghi chú

8. Kinh phí thực hiện dự án và nguồn huy động cho các khoản chi

Dự toán và phân chia kinh phí thực hiện dự án

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nguồn kinh phí	Tổng số kinh phí	Trong đó:				
			Chi phí lao động trực tiếp	Thuê khoán chuyên môn	Nguyên vật liệu, năng lượng	Máy móc, thiết bị	Chi quản lý dự án và chi khác
	Tổng						
	Trong đó:						
1	Ngân sách Trung ương						
2	Ngân sách địa phương						
3	Kinh phí đối ứng						

Trong đó:

Khoản 1. Chi tiết khoản chi phí lao động trực tiếp, thuê khoán chuyên môn

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung chi	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn		
						TƯ	ĐP	Khác
Tổng								

Khoản 2. Chi tiết khoản nguyên vật liệu, năng lượng

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung chi	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn		
						TƯ	ĐP	Khác
Tổng								

Khoản 3. Chi tiết khoản máy móc, thiết bị

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung chi	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn		
						TƯ	ĐP	Khác
Tổng								

Khoản 4. Chi tiết khoản chi quản lý dự án và các khoản chi khác

(Công tác phí: lưu trú, đi lại.....; tổ chức và quản lý dự án; chi phí kiểm tra, nghiệm thu dự án; chi phí tổ chức hội nghị; viết báo cáo; in ấn tài liệu và các khoản chi khác)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung chi	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn		
						TƯ	ĐP	Khác
	Tổng							

9. Đối tượng tham gia/hưởng lợi/sử dụng kết quả của dự án (Tiêu chí lựa chọn đối tượng tham gia/hưởng lợi/sử dụng kết quả của dự án; dự kiến số lượng, danh sách đối tượng tham gia/hưởng lợi/sử dụng kết quả của dự án):

.....

.....

10. Dự kiến hiệu quả kinh tế - xã hội (Phân tích hiệu quả kinh tế - xã hội trực tiếp của dự án và theo khả năng nhân rộng từ mô hình của dự án):

.....

.....

11. Dự báo rủi ro và giải pháp phòng ngừa (Dự báo các rủi ro có thể xảy ra gây ảnh hưởng tới hiệu quả của dự án; các giải pháp phòng ngừa, giảm thiểu và khắc phục rủi ro):

.....

.....

12. Kiến nghị (Các kiến nghị, đề xuất để đảm bảo thực hiện hiệu quả dự án):

.....

.....

Ngày..... tháng..... năm.....	*Ngày..... tháng..... năm.....*
Cá nhân đăng ký	**Đơn vị đăng ký**
chủ nhiệm dự án	**chủ trì thực hiện dự án**
(Họ, tên và chữ ký)	(Ký tên và đóng dấu)

Mẫu B4-PTNHS

Phụ lục IV
PHIẾU TIẾP NHẬN
HỒ SƠ ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ THỰC HIỆN DỰ ÁN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2011/TT-BKHCN ngày 20 tháng 4 năm 2011 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm 201...

PHIẾU TIẾP NHẬN
HỒ SƠ ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ THỰC HIỆN DỰ ÁN
thuộc Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ

Cục Sở hữu trí tuệ (*) đã nhận được Hồ sơ đăng ký chủ trì thực hiện dự án với các thông tin sau đây:

1. Tên dự án: .....
Ký mã hiệu: .....
2. Đơn vị đăng ký chủ trì thực hiện dự án
Tên đầy đủ: .....
Địa chỉ: .....
Điện thoại:..... Email:.....
Số tài khoản *(của đơn vị)*: .....
Đại diện pháp lý *(của đơn vị):*..... Chức vụ: .....
3. Cá nhân đăng ký chủ nhiệm dự án
Họ và tên: .....
Đơn vị công tác: .....
Chức vụ: .....
4. Mã số biên nhận Hồ sơ: .....
5. Ngày tiếp nhận Hồ sơ:.....

CÁN BỘ TIẾP NHẬN HỒ SƠ
(Họ tên và chữ ký)

(*) Đối với dự án TW ủy quyền cho địa phương quản lý là tên Sở Khoa học và Công nghệ

Mẫu B5-BBMHS

Phụ lục V
BIÊN BẢN MỞ HỒ SƠ
ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ THỰC HIỆN DỰ ÁN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2011/TT-BKHCN ngày 20 tháng 4 năm 2011 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN **CƠ QUAN QUẢN LÝ DỰ ÁN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.... tháng.... năm 201....

BIÊN BẢN
MỞ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ THỰC HIỆN DỰ ÁN
thuộc Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ

1. Loại dự án:.....

.....

2. Địa điểm mở Hồ sơ:.....

3. Thời gian mở Hồ sơ:....., ngày...../...../201.....

4. Đại diện các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan tham gia mở Hồ sơ:

STT	Họ và tên	Cơ quan, tổ chức

5. Tình trạng các Hồ sơ đăng ký chủ trì dự án:

- Tổng số Hồ sơ:.....

- Số Hồ sơ được niêm phong kín đến thời điểm mở Hồ sơ:.....

6. Kiểm tra các Hồ sơ

TT	**Số biên nhận Hồ sơ**	**Tên đơn vị nộp Hồ sơ**	**Thời hạn nộp Hồ sơ**		**Số bản** *(gốc/ sao)*	**Các tài liệu trong Hồ sơ (**)**							**Kết luận về Hồ sơ**	
			Nộp trong thời hạn	*Nộp sau thời hạn(*)*		*(i)*	*(ii)*	*(iii)*	*(iv)*	*(v)*	*(vi)*	*(vii)*	*Hợp lệ*	*Không hợp lệ*

Ghi chú:

(*) Hồ sơ nộp sau thời hạn quy định sẽ được đánh dấu "x" vào ô tương ứng nhưng không được mở.

(**) Tài liệu được kiểm tra (nếu có) sẽ được đánh dấu "x" vào ô tương ứng được ký hiệu từ (i) đến (vii) tương ứng với các tài liệu sau đây:

(i): Phiếu đăng ký chủ trì thực hiện dự án;

(ii): Thuyết minh dự án;

(iii): Lý lịch khoa học của chủ nhiệm dự án;

(iv): Thuyết minh về khả năng chủ trì thực hiện dự án của đơn vị đăng ký chủ trì thực hiện dự án;

(v): Giấy xác nhận phối hợp thực hiện dự án của các đơn vị, cá nhân phối hợp thực hiện dự án;

(vi): Tài liệu chứng minh đã hoàn thành đúng hạn việc thanh quyết toán các dự án đã được Bộ Khoa học và Công nghệ giao chủ trì thực hiện (nếu có);

(vii): Tài liệu chứng minh khả năng huy động kinh phí từ nguồn khác để thực hiện dự án (trường hợp kinh phí thực hiện dự án cần huy động từ nguồn khác ngoài nguồn kinh phí của Chương trình).

7. Danh sách những Hồ sơ hợp lệ:

- Trong số..... Hồ sơ đã nộp, có..... Hồ sơ hợp lệ.

- Danh sách Hồ sơ hợp lệ:

TT	Tên dự án/Số biên nhận	Tên đơn vị nộp Hồ sơ	Ghi chú

Các tổ chức, cá nhân tham gia mở Hồ sơ
(Họ tên và chữ ký)

Cơ quan tổ chức mở Hồ sơ
(Ký và đóng dấu)

Mẫu B6-PĐG

Phụ lục VI
PHIẾU ĐÁNH GIÁ
HỒ SƠ ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ THỰC HIỆN DỰ ÁN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2011/TT-BKHCN ngày 20 tháng 4 năm 2011 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

(CẤP QUẢN LÝ DỰ ÁN)
HỘI ĐỒNG CHUYÊN MÔN TUYỂN CHỌN ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ THỰC HIỆN DỰ ÁN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày..... tháng.... năm 201...

PHIẾU ĐÁNH GIÁ
HỒ SƠ ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ THỰC HIỆN DỰ ÁN
thuộc Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ

1. Họ và tên Thành viên Hội đồng chuyên môn:

.....

2. Tên dự án:.....

3. Mã số Hồ sơ đăng ký chủ trì thực hiện dự án

4. Tên của đơn vị đăng ký chủ trì thực hiện dự án

5. Tên của cá nhân đăng ký chủ nhiệm dự án

6. Bảng điểm theo các tiêu chí đánh giá

Tiêu chí 1: Tính thống nhất, bao quát và điển hình của dự án

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm đánh giá
1	***Tính thống nhất, bao quát và điển hình của dự án***	**15**	
1.1	*Mục tiêu dự án với mục tiêu Chương trình*	5	
1.2	*Nội dung dự án với nội dung Chương trình*	5	

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm đánh giá
1.3	*Vấn đề, nhiệm vụ mà dự án giải quyết mang tính phổ biến hoặc là nhu cầu của nhiều doanh nghiệp, của một địa phương hoặc khu vực*	5	
	T1 = Tổng số điểm đánh giá theo Tiêu chí 1		
	Nhận xét:		

Tiêu chí 2: Tính khả thi của dự án

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm đánh giá
2	***Tính khả thi của dự án:***	50	
2.1	*Căn cứ xây dựng dự án:*	5	
	Căn cứ pháp lý đầy đủ: Chủ trương, chính sách, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương, Quyết định phê duyệt Danh mục các dự án	2	
	Căn cứ thực tiễn thể hiện tính cấp thiết: Nhu cầu của doanh nghiệp, ngành, địa phương; vấn đề và nhiệm vụ đặt ra cần giải quyết	3	
	Nhận xét:		
2.2	*Mục tiêu của dự án:*	5	
	Mục tiêu được nêu một cách rõ ràng, đầy đủ, có thể định lượng và định tính được	2	
	Mục tiêu của dự án phù hợp với chủ trương, chính sách, quy hoạch phát triển kinh tế, xã hội của ngành, địa phương	2	

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm đánh giá
	Mục tiêu nhân rộng từ mô hình dự án	1	
	Nhận xét:		
2.3	*Nội dung của dự án:*	15	
	Nội dung dự án đầy đủ, hợp lý, bảo đảm tính khoa học để đạt được mục tiêu và thu được sản phẩm, kết quả hoặc giải quyết các vấn đề, nhiệm vụ mà dự án đã đặt ra	15	
	Nội dung dự án được trình bày rõ ràng, cụ thể và chi tiết	5	
	Nhận xét:		
2.4	*Phương án triển khai dự án:*	10	
	Tính khoa học, hợp lý, sáng tạo trong việc lựa chọn, bố trí, sắp xếp từng hạng mục công việc để thực hiện nội dung của dự án đảm bảo đạt được mục tiêu, yêu cầu đặt ra	4	
	Tính khoa học, khả thi của phương án chuyên môn thực hiện các hạng mục công việc	3	
	Tính khoa học của biện pháp tổ chức, sắp xếp thời gian thực hiện dự án	3	
	Nhận xét:		
2.5	*Năng lực triển khai dự án của tổ chức chủ trì và tổ chức, cá nhân phối hợp thực hiện dự án:*	10	
	Có chuyên môn và kinh nghiệm về sở hữu trí tuệ và lĩnh vực chuyên môn của dự án	4	

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm đánh giá
	Năng lực tổ chức quản lý của đơn vị đăng ký chủ trì (tính khoa học và hợp lý trong xây dựng nội dung dự án và bố trí kế hoạch thực hiện, khả năng tập hợp lực lượng để triển khai dự án)	3	
	Điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị của các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện dự án cho phép triển khai hiệu quả các nội dung dự án	3	
	Nhận xét:		
2.6	*Phương án tài chính:*	5	
	Tính hợp lý, sát thực tế và có đủ luận cứ của dự toán kinh phí	2	
	Tính chi tiết của dự toán kinh phí và phân bổ hợp lý kinh phí cho các khoản chi tương ứng để thực hiện dự án	1	
	Khả năng huy động kinh phí đối ứng	2	
	Nhận xét:		
	T2 = Tổng số điểm đánh giá theo Tiêu chí 2		

Tiêu chí 3: Tính hiệu quả của dự án

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm đánh giá
3	***Tính hiệu quả của dự án:***	35	
3.1	*Kết quả, sản phẩm của dự án:*	20	

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm đánh giá
	Sản phẩm, kết quả phù hợp với mục tiêu của dự án; định tính và lượng cụ thể để bảo đảm việc đánh giá, nghiệm thu khi dự án kết thúc	10	
	Có ảnh hưởng, hiệu quả trực tiếp đối với các chủ thể tham gia, hưởng lợi từ dự án	5	
	Khả năng phổ biến và nhân rộng để áp dụng cho các dự án cùng loại hoặc đáp ứng nhu cầu sử dụng chung cho cộng đồng	5	
	Nhận xét:		
3.2	*Đối tượng được hỗ trợ, hưởng lợi từ dự án:*	10	
	Tính hợp lý về tiêu chí lựa chọn đối tượng được hỗ trợ, hưởng lợi từ dự án	5	
	Khả năng tham gia, hưởng lợi trực tiếp từ dự án của các đối tượng hỗ trợ đã nêu trong Thuyết minh dự án	5	
	Nhận xét:		
3.3	*Phân tích và phương án giảm thiểu rủi ro:*	5	
	Dự báo và phân tích sát thực tế những rủi ro có thể xảy ra ảnh hưởng đến kết quả thực hiện dự án	3	
	Phương án giảm thiểu rủi ro	2	
	Nhận xét:		
	T3 = Tổng số điểm đánh giá theo Tiêu chí 3		

Tổng số điểm đánh giá cho Hồ sơ (T = T1 + T2 + T3):.....

5. Khuyến nghị của thành viên Hội đồng về những điểm cần bổ sung, sửa đổi đối với Hồ sơ:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

(Họ tên và chữ ký)

Mẫu B7-BBKP

Phụ luc VII
BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU ĐÁNH GIÁ
HỒ SƠ ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ THỰC HIỆN DỰ ÁN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2011/TT-BKHCN ngày 20 tháng 4 năm 2011 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

(CẤP QUẢN LÝ DỰ ÁN)
HỘI ĐỒNG CHUYÊN MÔN TUYỂN CHỌN ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ THỰC HIỆN DỰ ÁN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày... tháng.... năm 201.....

BIÊN BẢN
KIỂM PHIẾU ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ THỰC HIỆN DỰ ÁN
thuộc Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ

Tên Dự án:.....

Ký mã hiệu:.....

Số thành viên Hội đồng:..... thành viên; Số thành viên có mặt:..... thành viên

Số phiếu phát ra:.....; Số phiếu thu về:.....; Số phiếu hợp lệ:.....

Kết quả kiểm phiếu:

TT	Tên dự án	Tên đơn vị nộp Hồ sơ	Kết quả kiểm Phiếu đánh giá Hồ sơ		Ghi chú
			Trung bình tổng số điểm (theo thứ tự từ cao xuống thấp)	Trung bình số điểm về tính khả thi	

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG **CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**

Mẫu B8-BCĐK

Phụ lục VIII
BÁO CÁO ĐỊNH KỲ
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2011/TT-BKHCN ngày 20 tháng 4 năm 2011 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

(CƠ QUAN QUẢN LÝ) **(ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ)**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..... ngày..... tháng..... năm 201.....

BÁO CÁO ĐỊNH KỲ
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN
thuộc Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ
(6 tháng 1 lần)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1. Tên dự án: .....

2. Mã số: .....

3. Đơn vị chủ trì thực hiện dự án: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....

4. Chủ nhiệm dự án: .....

5. Hợp đồng giao chủ trì thực hiện dự án:

Số..... ngày..... tháng..... năm.....

Thời gian thực hiện hợp đồng: .....

Tổng kinh phí hợp đồng: .....

Trong đó: - Kinh phí từ ngân sách Trung ương: .....

- Kinh phí huy động: .....

II. PHẦN BÁO CÁO

1. Công việc chính đã thực hiện trong kỳ báo cáo (từ ngày..... đến ngày....)

(cần ghi rõ tiến độ theo Thuyết minh dự án, tự đánh giá những nội dung nào đạt tiến độ, chậm tiến độ,...)

1.1. Các nội dung đã hoàn thành (chi tiết nội dung, tiến độ)

.....

.....

.....

1.2. Các nội dung chưa hoàn thành

- Nội dung 1: các hạng mục công việc đã thực hiện:

+ .....

+ .....

- Nội dung 2: các hạng mục công việc đã thực hiện

+ .....

+ .....

2. Kết quả/sản phẩm (*liệt kê đầy đủ, chi tiết các kết quả/sản phẩm đã có):*

.....

.....

.....

.....

3. Tình hình sử dụng kinh phí:

3.1. Ngân sách:

a) Kinh phí được cấp:

- Tổng kinh phí được cấp đến hết kỳ báo cáo: ..... triệu đồng
- Kinh phí được cấp trong kỳ báo cáo: ..... triệu đồng

b) Tổng kinh phí đã sử dụng trong kỳ báo cáo:..... triệu đồng

- Cho các nội dung đã hoàn thành: ..... triệu đồng
- Cho các nội dung đang triển khai:..... triệu đồng

3.2. Nguồn khác:

a) Tổng kinh phí đã huy động: ..... triệu đồng

b) Tổng kinh phí đã sử dụng trong kỳ báo cáo:..... triệu đồng

- Cho các nội dung đã hoàn thành: ..... triệu đồng
- Cho các nội dung đang triển khai:..... triệu đồng

4. Báo cáo chi tiết việc sử dụng kinh phí *(bảng kèm theo)*

5. Đánh giá:

Về kết quả đã đạt được:

.....

.....

.....

Những vấn đề tồn tại cần giải quyết:

.....

.....

.....

Thuận lợi:

.....

.....

.....

Khó khăn:

.....

.....

.....

6. Dự kiến công việc triển khai và kinh phí trong thời gian tới *(kinh phí chi tiết theo bảng kèm theo)*:

.....

.....

.....

7. Đề xuất và kiến nghị:

.....

.....

.....

Chủ nhiệm dự án	**Đơn vị chủ trì thực hiện dự án**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)

Mẫu B9-BCĐK

Phụ lục IX

BÁO CÁO ĐỊNH KỲ TÌNH HÌNH CHI TIÊU TÀI CHÍNH DỰ ÁN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2011/TT-BKHCN ngày 20 tháng 4 năm 2011 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

(CƠ QUAN QUẢN LÝ)
(ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO ĐỊNH KỲ TÌNH HÌNH CHI TIÊU TÀI CHÍNH DỰ ÁN
thuộc Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ
(6 tháng 1 lần)

STT	Nội dung công việc	Phần dự toán được duyệt					Phần báo cáo						Ghi chú *(số, ngày tháng chứng từ)*
		Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn kinh phí		Kết quả *(ghi rõ tên sản phẩm, nếu có)*	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn kinh phí		
					TƯ	Khác					TƯ	Khác	
I	Chi phí lao động trực tiếp												

STT	Nội dung công việc	Phần dự toán được duyệt					Phần báo cáo						Ghi chú *(số, ngày tháng chứng từ)*
		Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn kinh phí		Kết quả *(ghi rõ tên sản phẩm, nếu có)*	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn kinh phí		
					TƯ	Khác					TƯ	Khác	
II	**Chi phí nguyên vật liệu, năng lượng**												
III	**Chi phí máy móc, thiết bị**												
IV	**Chi quản lý dự án và chi khác**												
	TỔNG CỘNG												

....., ngày..... tháng..... năm.....

Người lập báo cáo
(Họ tên và chữ ký)

Chủ nhiệm dự án
(Họ tên và chữ ký)

Đơn vị chủ trì thực hiện dự án
(Ký tên, đóng dấu)